

Phụ lục 01

PHÂN BỐ ĐỀ KHẤC PHỤC HẬU QUẢ DO BÃO VÀ MƯA, LŨ GÂY RA THUỘC CÁC LĨNH VỰC:
GIÁO DỤC, GIAO THÔNG, KIẾN THIẾT THỊ CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị/địa phương	Tổng số tiền phân bổ	Trong đó:			Ghi chú
			Lĩnh vực Giáo dục	Lĩnh vực Giao thông	Lĩnh vực kiến thiết thị chính	
	TỔNG CỘNG	220.000	120.000	50.000	50.000	
1	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn	1.500	1.500			
2	Trường Cao đẳng Y tế	1.500	1.500			
	Khu vực Quy Nhơn	26.500	17.500	9.000	-	
3	Phường Quy Nhơn	4.500	4.500	-	-	
4	Phường Quy Nhơn Đông	6.000	3.000	3.000	-	
5	Phường Quy Nhơn Tây	5.000	2.000	3.000	-	
6	Phường Quy Nhơn Nam	4.000	4.000	-	-	
7	Phường Quy Nhơn Bắc	6.000	3.000	3.000	-	
8	Xã Nhơn Châu	1.000	1.000		-	
	Khu vực An Nhơn	29.000	17.000	6.000	6.000	
9	Phường An Nhơn	7.000	4.000	500	2.500	
10	Phường An Nhơn Nam	3.000	2.000	500	500	
11	Phường An Nhơn Bắc	5.000	4.000	500	500	
12	Phường An Nhơn Đông	5.000	2.500	2.000	500	
13	Xã An Nhơn Tây	3.000	2.000	500	500	
14	Phường Bình Định	6.000	2.500	2.000	1.500	
	Khu vực Tuy Phước	17.500	13.500	-	4.000	
15	Xã Tuy Phước	6.000	3.500	-	2.500	
16	Xã Tuy Phước Đông	4.500	4.000	-	500	
17	Xã Tuy Phước Bắc	3.500	3.000	-	500	
18	Tuy Phước Tây	3.500	3.000	-	500	
	Khu vực Tây sơn	13.000	7.000	2.500	3.500	
19	Xã Tây Sơn	4.000	2.500	-	1.500	
20	Xã Bình Khê	2.000	1.500	-	500	
21	Xã Bình Phú	1.500		1.000	500	
22	Xã Bình Hiệp	3.000	1.500	1.000	500	
23	Xã Bình An	2.500	1.500	500	500	
	Khu vực Phù Cát	30.500	18.500	3.000	9.000	
24	Xã Phù Cát	4.000	2.500	-	1.500	
25	Xã Xuân An	5.500	3.500	1.500	500	
26	Xã Ngô Mỹ	3.500	2.500	500	500	
27	Xã Cát Tiến	5.000	2.500	-	2.500	
28	Xã Đề Gi	6.000	3.500	-	2.500	
29	Xã Hòa Hội	3.500	2.000	500	1.000	
30	Xã Hội Sơn	3.000	2.000	500	500	
	Khu vực Phù Mỹ	25.000	17.500	2.000	5.500	
31	Xã Phù Mỹ	3.500	2.000	-	1.500	
32	Xã An Lương	4.000	3.500	-	500	
33	Xã Bình Dương	5.500	2.000	2.000	1.500	
34	Xã Phù Mỹ Đông	3.500	3.000	-	500	
35	Xã Phù Mỹ Tây	3.000	2.500	-	500	
36	Xã Phù Mỹ Bắc	3.000	2.500	-	500	
37	Xã Phù Mỹ Nam	2.500	2.000	-	500	

STT	Đơn vị/địa phương	Tổng số tiền phân bổ	Trong đó:			Ghi chú
			Lĩnh vực Giáo dục	Lĩnh vực Giao thông	Lĩnh vực kiến thiết thị chính	
	Khu vực Hoài Ân	12.800	8.300	1.000	3.500	
38	Xã Hoài Ân	3.800	1.800	500	1.500	
39	Xã Ân Tường	2.000	1.500	-	500	
40	Xã Ân Hào	2.500	2.000	-	500	
41	Xã Vạn Đức	3.000	2.000	500	500	
42	Xã Kim Sơn	1.500	1.000	-	500	
	Khu vực Hoài Nhơn	16.500	5.500	6.000	5.000	
43	Phường Bồng Sơn	2.000	500	-	1.500	
44	Phường Hoài Nhơn	3.500	1.000	2.000	500	
45	Phường Hoài Nhơn Đông	3.000	2.500	-	500	
46	Phường Hoài Nhơn Nam	3.000	500	2.000	500	
47	Phường Hoài Nhơn Bắc	1.000	500	-	500	
48	Phường Tam Quan	4.000	500	2.000	1.500	
	Khu vực Vân Canh	6.100	2.600	1.500	2.000	
49	Xã Vân Canh	2.100	600	-	1.500	
50	Xã Canh Vinh	3.500	2.000	1.000	500	
51	Xã Canh Liên	500		500	-	
	Khu vực Vĩnh Thạnh	9.600	2.600	4.000	3.000	
52	Xã Vĩnh Thạnh	2.200	700	-	1.500	
53	Xã Vĩnh Quang	3.000	500	2.000	500	
54	Xã Vĩnh Sơn	1.200	700		500	
55	Xã Vĩnh Thịnh	3.200	700	2.000	500	
	Khu vực An Lão	7.500	1.500	3.000	3.000	
56	Xã An Lão	2.500		1.000	1.500	
57	Xã An Hòa	3.000	500	2.000	500	
58	Xã An Toàn	1.000	500	-	500	
59	Xã An Vinh	1.000	500	-	500	
	Khu vực An Khê	3.000	1.500	-	1.500	
60	Phường An Bình	1.000	500	-	500	
61	Phường An Khê	1.000	500	-	500	
62	Xã Cửu An	1.000	500	-	500	
	Khu vực Kông Chro	5.000	2.500	-	2.500	
63	Xã Kông Chro	1.000	500	-	500	
64	Xã Ya Ma	1.000	500	-	500	
65	Xã SRó	1.000	500	-	500	
66	Xã Đăk Song	1.000	500	-	500	
67	Xã Chợ Long	1.000	500	-	500	
	Khu vực Kbang	9.000	1.500	6.000	1.500	
68	Xã Kông Bơ La	2.500	500	1.500	500	
69	Xã Sơn Lang	2.500	500	1.500	500	
70	Xã Kbang	2.500	500	1.500	500	
71	Xã Đăk Rong	1.500		1.500	-	
	Khu vực Phú Thiện	6.000	-	6.000	-	
72	Xã Phú Thiện	2.000		2.000	-	
73	Xã Ia Hiao	2.000		2.000	-	
74	Xã Chư A Thai	2.000		2.000	-	